

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2019/DS-ST
Ngày 09 – 10 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Tiến Sĩ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Võ Thanh Liêm

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thùy Nhiêu – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/2019/TLST-DS, ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 736/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A; Địa chỉ: Số 266 – 268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường B, Quận C, Thành Phố D.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Diệp Lâm Kỳ Ph – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A - chi nhánh G; Địa chỉ: Số 164A, Nguyễn Tất Thành, phường H, thành phố E, tỉnh K (theo văn bản ủy quyền ngày 10/12/2018)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Diệp Lâm Kỳ Ph: Anh Nguyễn Bình Ph1 – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh G (theo văn bản ủy quyền ngày 05/8/2019). Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1978; Cư trú tại: Số 27A, Phan Ngọc Hiển, khóm N, phường M, Tp. E, tỉnh K. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 20/02/2014, anh Trần Văn S đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi

nhánh G nên Ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng cho anh S với tổng hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp 2 thẻ tín dụng anh S đã thực hiện các giao dịch thẻ Family với tổng số tiền là 43.300.000 đồng và thẻ Visa giao dịch với tổng số tiền là 15.213.783 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng 2 thẻ tín dụng với số tiền 68.131.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông S không thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 23/9/2019 anh S còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là 12.096.780 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.355.380 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.177.451 đồng. Tổng số tiền anh S còn nợ vốn và lãi là 18.629.701 đồng.

Anh Trần Văn S trình bày: Anh thừa nhận có mở thẻ của Ngân hàng thương mại cổ phần A như phía đại diện Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, phía Ngân hàng tự ý chấm dứt hợp đồng và khóa thẻ không cho anh sử dụng, cũng không thông báo cho anh biết việc khóa thẻ nên anh chỉ đồng ý thanh toán phần nợ gốc với số tiền là 12.096.780 đồng, còn khoản tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn Ngân hàng yêu cầu anh không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN :

[1] Về nội dung tranh chấp giữa các đương sự là hợp đồng cấp thẻ tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh S thừa nhận có sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và hiện còn nợ tổng số tiền vốn của 02 thẻ tín dụng là 12.096.780đ. Xét thấy số tiền vốn mà đôi bên thừa nhận còn nợ với nhau là phù hợp nên không xem xét điều chỉnh. Đối với khoản tiền lãi tại phiên tòa anh Ph1 là người đại diện Ngân hàng yêu cầu anh S thanh toán số tiền lãi tính đến ngày 09/10/2019 của 02 thẻ tín dụng là 6.532.831đ.

[2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ, tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án phía đại diện Ngân hàng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc anh S và Ngân hàng ký kết hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ, vì tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà phía Ngân hàng cung cấp chỉ thể hiện nội dung cá nhân của anh S chứ không thể hiện số hợp đồng; Các nội dung về quyền và nghĩa vụ của các bên; Quy định về phí các loại phí, các thay đổi về phí; Các hạn mức và sự thay đổi hạn mức sử dụng thẻ, bao gồm các hạn mức thấu chi và hạn mức tín dụng, thời hạn cấp tín dụng, thời hạn trả nợ, mức trả nợ tối thiểu, phương thức trả nợ, lãi suất....., đồng thời phía Ngân hàng cũng không chứng minh được việc anh S vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, cho nên việc Ngân hàng cho rằng anh S vi phạm trong việc sử dụng thẻ tín dụng và yêu cầu tính lãi là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi mà các bên đã thanh toán trước đây, nay không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 402, 518 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định 101/2012/NĐ-CP, ngày 22/11/2012 của Chính phủ; Thông tư số 19/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A. Buộc anh Trần Văn S thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền vốn là 12.096.780đ.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh S không thanh toán khoản tiền nêu trên thì phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện anh Trần Văn S thanh toán số tiền lãi là 6.532.831đồng.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá anh S phải chịu là 604.000đồng (*chưa nộp*). Ngân hàng thương mại cổ phần A phải nộp 326.000đ, ngày 08 tháng 8 năm 2019 đã dự nộp 436.000đ đồng tại lai số 0000565 được đối trừ chuyển thu sung quỹ nhà nước. Ngân hàng thương mại cổ phần A được hoàn lại 110.000đ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Án văn (VPTANDTPCM);
- Lưu VT (TM:TANDTPCM).

Lương Tiến Sĩ